

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 04-01-2024
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đổi;

Bà Trương Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 476/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 472/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1980

2. Ông Đào Văn H, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà D có mặt, ông H, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày như sau:

Từ năm 2021, bà Phạm Thị D có tham gia nhiều dây hui do vợ chồng bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H làm thảo hui cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Khai ngày 15/02/2021, loại hội 500.000đồng/tháng, bà D tham gia 01 phần. Bà D hót cuối với tổng số tiền là 11.750.000đồng nhưng bà N, ông H chưa giao tiền;

Dây hội thứ hai: Khai ngày 10/10/2021, loại hội 500.000đồng/tháng, bà D tham gia 03 phần. Bà D đã đóng 17 kỳ (17 tháng) với tổng số tiền là 17.850.000đồng;

Dây hội thứ ba: Khai ngày 15/01/2022, loại hội 500.000đồng/tháng, bà D tham gia 01 phần. Bà D đã đóng 14 kỳ (14 tháng) với tổng số tiền là 4.900.000đồng;

Dây hội thứ tư: Khai ngày 20/10/2022, loại hội 500.000đồng/tháng, bà D tham gia 01 phần. Bà D đã đóng 4 kỳ (4 tháng) với tổng số tiền là 1.400.000đồng.

Tổng số tiền bà D được hót và đóng hội là 35.900.000đồng. Đến ngày 12/4/2023, bà N, ông H tuyên bố bế hội nhưng không giao tiền cho bà D. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H liên đới trả một lần cho bà Duyên số tiền nợ hội là 35.900.000đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà D không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện bà Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu bà N, ông H hoàn trả số tiền nợ hội là 35.900.000 đồng nhưng bà N, ông H đều vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản gì trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị D không rút, bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ yêu cầu và ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H hoàn trả số tiền 39.500.000đồng. Bị đơn bà N, ông H cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H liên đới trả số tiền nợ hụi 35.900.000đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị D thấy rằng: Từ năm 2021, bà Phạm Thị D có tham gia 04 dây hụi (loại hụi 500.000đồng/tháng) do vợ chồng bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H làm thảo hụi cụ thể: Dây hụi khai ngày 15/02/2021, bà D tham gia 01 phần và hót cuối cùng với tổng số tiền là 11.750.000đồng; Dây hụi khai ngày 10/10/2021, bà D tham gia 03 phần. Bà D đã đóng được 17 kỳ với tổng số tiền là 17.850.000đồng; Dây hụi khai ngày 15/01/2022, bà D tham gia 01 phần và đã đóng 14 kỳ với tổng số tiền là 4.900.000đồng; Dây hụi khai ngày 20/10/2022, bà D tham gia 01 phần và đã đóng 4 kỳ với tổng số tiền là 1.400.000đồng. Tổng số tiền bà D được hót và đã đóng hụi là 35.900.000đồng. Đến ngày 12/4/2023, bà N, ông H tuyên bố bẻ hụi nhưng đến nay bà N, ông H chưa giao tiền cho bà D.

[2.2] Căn cứ vào giấy viết tay do nguyên đơn bà Phạm Thị D cung cấp thì xác định bà D có tham gia góp hụi với vợ chồng bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H. Đồng thời, trong giấy viết tay còn thể hiện tổng số tiền bà N, ông H còn nợ chưa giao cho bà D là 35.900.000đồng (có chữ viết của ông H về việc chót nợ). Ngày 12/4/2023, bà N, ông H tuyên bố bẻ hụi nhưng không giao số tiền 35.900.000đồng cho bà D. Ngoài ra, theo biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 12/4/2023 thể hiện ý kiến của bà N thống nhất còn nợ tiền một số hụi viên, trong đó xác nhận còn nợ bà Phạm Thị Duyên s tiền 35.900.000đồng, có chữ ký của ông H, bà N ở cuối biên bản.

[2.3] Về trách nhiệm liên đới: Bà Phạm Thị D yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H liên đới trả tiền nợ hụi. Bà D trình bày ông H, bà N là vợ chồng và cùng nhau làm đầu thảo hụi các dây hụi do bà D tham gia, do đó bà D yêu cầu ông H, bà N liên đới trả tiền, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 280, 471 Bộ luật Dân sự, Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phượng, bà Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H liên đới trả số tiền nợ hụi 35.900.000đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị D đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H liên đới trả cho bà Phạm Thị Duyên s tiền 35.900.000đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng N, ông Đào Văn H phải chịu 1.795.000 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà D thuộc trường hợp được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm